
ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA EU VÀO VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH THỰC THI EVFTA

Nguyễn Thị Liên Hương
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Email: huongnltmai@neu.edu.vn
Trần Thị Phương Mai
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Email: maittp@neu.edu.vn

Mã bài: JED - 224
Ngày nhận bài: 11/06/2021
Ngày nhận bài sửa: 29/08/2021
Ngày duyệt đăng: 03/09/2021

Tóm tắt:

Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) là bước tiến quan trọng về chiến lược và kinh tế trong mối quan hệ giữa Việt Nam và EU, mang lại những lợi ích to lớn cho cả nền kinh tế lẫn các doanh nghiệp và người dân. Bài viết tập trung phân tích thực trạng đầu tư trực tiếp (FDI) từ EU vào Việt Nam trong bối cảnh thực thi EVFTA. Qua đánh giá sau gần một năm từ khi EVFTA có hiệu lực, vẫn chưa có dấu hiệu làn sóng FDI mạnh mẽ từ EU vào Việt Nam, các thành viên EU đầu tư tại Việt Nam không có nhiều thay đổi, lĩnh vực đầu tư vẫn tập trung vào tận dụng nguồn lao động giá rẻ để thực hiện các công đoạn lắp ráp, chế biến sản phẩm để tiêu thụ ở thị trường nội địa và xuất khẩu. Tuy nhiên, từ thực trạng quan hệ thương mại giữa hai bên, cũng như những thỏa thuận đã đạt được trong EVFTA, chúng ta có cơ sở kỳ vọng vào việc gia tăng FDI từ EU vào Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: EVFTA, FDI, EU, đầu tư, thương mại.

Mã JEL: F21

FDI from EU into Vietnam in the context of implementing EVFTA

Abstracts:

The EU-Vietnam Free Trade Agreement (EVFTA) is an important strategic and economic step in the relationship with the EU that enhances bilateral trade and investment, brings benefits for the economy, enterprises, and citizens. This article focuses on analysing and assessing foreign direct investment from EU into Vietnam in the context of implementing EVFTA. According to the results of the research, we can see that after nearly one year since the EVFTA came into force, there is no signal of strong FDI wave from EU, there is no new member of EU invest into Vietnam and in terms of investment sectors, the investors still focus on taking advantages of cheap labour; manufacturing low value-added products to sell and export. However, by the fact of trade relations between Vietnam and the EU, as well as the agreements gained in EVFTA, it is expected to enhance foreign direct investment from the EU into Vietnam in the near future.

Keywords: EVFTA, FDI, EU, investment, trade.

JEL code: F21

1. Giới thiệu

Sau hơn 30 năm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), dòng vốn FDI từ Liên minh Châu Âu (EU) vào Việt Nam nhìn chung đã có sự gia tăng với những tác động tích cực vào quá trình phát triển kinh tế của Việt Nam. Tuy nhiên, dòng vốn này còn khá khiêm tốn, chưa tương xứng với tiềm năng hợp tác kinh tế giữa hai bên. Kể từ ngày 01 tháng 08 năm 2020, EVFTA đã chính thức có hiệu lực sau khi đã được Quốc hội của hai bên phê chuẩn. Có thể nói, EVFTA là một trong những Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới với nhiều cam kết sâu rộng, được kỳ vọng sẽ tạo điều kiện thúc đẩy quan hệ thương mại, đồng thời cũng đem đến triển vọng thu hút mạnh mẽ dòng vốn FDI từ các nước EU vào Việt Nam.

Thời gian qua đã có một số nghiên cứu về EVFTA nhưng chủ yếu tập trung về quan hệ thương mại giữa Việt Nam và EU, trong khi các nghiên cứu về đầu tư trực tiếp của EU vào Việt Nam còn khá khiêm tốn, đặc biệt là chưa có nhiều nghiên cứu tập trung vào đánh giá những thay đổi của dòng vốn này trong vòng gần một năm qua, kể từ khi EVFTA có hiệu lực.

Để làm rõ những thay đổi này, bài viết khái quát những vấn đề cơ bản về Hiệp định EVFTA, cũng như bức tranh toàn cảnh về mối quan hệ thương mại và đầu tư giữa EU và Việt Nam thời gian qua, trong đó tập trung vào hoạt động đầu tư trực tiếp từ EU vào Việt Nam, đồng thời đánh giá thực trạng đầu tư trực tiếp của EU vào Việt Nam, với hai giai đoạn trước và sau khi EVFTA có hiệu lực. Từ đó, bài viết đề xuất một số khuyến nghị nhằm đẩy mạnh thu hút đầu tư trực tiếp từ EU vào Việt Nam trong thời gian tới.

2. Phương pháp nghiên cứu và cơ sở lý thuyết

Trong bài viết này, do giới hạn bởi thời gian nghiên cứu, các tác giả chưa thực hiện được các phương pháp đo lường định lượng, mà chỉ thực hiện theo phương pháp định tính, với các nhận định, đánh giá dựa trên dữ liệu được thu thập từ Tổng cục Thống kê (số lũy kế tính đến năm 2019, năm 2020), Tổng cục Hải quan từ năm 2015 đến năm 2019, Bộ Công thương từ năm 2018 đến 2020, cũng như kết quả một số nghiên cứu, bài báo khoa học về đầu tư trực tiếp nước ngoài của EU vào Việt Nam trong thời gian qua. Bài viết sử dụng phương pháp tổng quan tài liệu để làm rõ những vấn đề cơ bản về Hiệp định EVFTA. Các phương pháp phân tích thống kê cũng được áp dụng để phân tích số liệu thu thập được nhằm làm rõ thực trạng quan hệ thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và EU, cũng như đánh giá thực trạng đầu tư trực tiếp của EU vào Việt Nam trong bối cảnh thực thi Hiệp định EVFTA.

Về bản chất, EVFTA là một hiệp định thương mại nên khi EVFTA được thực thi sẽ tác động trực tiếp và ngay lập tức tới quan hệ thương mại giữa Việt Nam và EU. Tuy nhiên, thương mại và đầu tư trực tiếp nước ngoài luôn có mối quan hệ tương hỗ nhau. FDI có ảnh hưởng tích cực đến thương mại, khi FDI tăng thường đi liền với tăng xuất khẩu của cả nước chủ đầu tư và nước nhận đầu tư, ngược lại thương mại giữa hai quốc gia phát triển là con đường, tiền đề để khai thác tiềm năng, thế mạnh của quốc gia, thúc đẩy quan hệ đầu tư, đặc biệt thu hút đầu tư nước ngoài. Điều này được thể hiện trong nhiều lý thuyết về thương mại và đầu tư quốc tế.

Lý thuyết đầu tiên đề cập đến mối quan hệ giữa thương mại và đầu tư quốc tế là mô hình Heckscher-Ohlin (Salvatore, 2011). Đây là một mô hình cân bằng tổng thể trong lý thuyết thương mại quốc tế và phân công lao động quốc tế để dự báo xem quốc gia nào sẽ sản xuất mặt hàng nào trên cơ sở những yếu tố sản xuất sẵn có. Mô hình cũng được sử dụng để giải thích hiện tượng đầu tư quốc tế dựa trên nguyên tắc lợi thế so sánh của các yếu tố đầu tư (vốn, lao động) giữa các nước, trong đó quốc gia có nhiều yếu tố đầu vào tốt hơn nên xuất khẩu các sản phẩm thâm dụng yếu tố đầu vào đó và nhập khẩu các sản phẩm thâm dụng yếu tố đầu vào kia. Điều này thúc đẩy các nước có tiềm lực vốn lớn đầu tư ra nước ngoài nhằm khai thác nguồn tài nguyên và lao động dồi dào, giá rẻ tại các quốc gia khác. Bên cạnh đó, lý thuyết vòng đời sản phẩm do Raymond Vernon đưa ra vào giữa thập niên 1960 cũng tìm cách lý giải những thay đổi trong xu thế phát triển của thương mại quốc tế, đồng thời giải thích động cơ của đầu tư quốc tế và mối quan hệ giữa thương mại quốc tế và đầu tư quốc tế (Salvatore, 2011).

3. Khái quát về EVFTA và quan hệ thương mại Việt Nam - EU

3.1. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA)

EVFTA là hiệp định toàn diện, chất lượng cao và đảm bảo cân bằng lợi ích cho cả Việt Nam và EU, củng cố mối quan hệ song phương theo định hướng chiến lược, toàn diện và bền vững. Hiệp định gồm 17 chương, 8 phụ lục, 2 nghị định thư, 2 biên bản ghi nhớ và 4 tuyên bố chung.

Theo lộ trình thực thi EVFTA, EU sẽ xóa bỏ đến hơn 85% số dòng thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực, tương đương 70,3% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU. Sau 7 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, EU sẽ xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với 99,2% số dòng thuế, tương đương 99,7% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Đối với khoảng 0,3% kim ngạch xuất khẩu còn lại, EU cam kết dành cho Việt Nam hạn ngạch thuế quan với thuế nhập khẩu trong hạn ngạch là 0%. Như vậy, có thể nói, gần 100% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu sau một lộ trình tương đối ngắn.

Về phía mình, Việt Nam cam kết xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với 48,5% số dòng thuế, tương đương 64,5% kim ngạch xuất khẩu của EU ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Tiếp đó, sau 7 năm, 91,8% số dòng thuế tương

đương 97,1% kim ngạch xuất khẩu từ EU được Việt Nam xóa bỏ thuế nhập khẩu. Sau 10 năm, mức xóa bỏ này tương ứng là 98,3% số dòng thuế và 99,8% kim ngạch xuất khẩu của EU. Khoảng 1,7% số dòng thuế còn lại của EU, Việt Nam áp dụng lộ trình xóa bỏ thuế nhập khẩu dài hơn 10 năm hoặc áp dụng hạn ngạch thuế quan theo cam kết của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Đối với lĩnh vực đầu tư, trong EVFTA, cam kết của Việt Nam và EU về đầu tư nhằm tạo ra một môi trường đầu tư cởi mở, thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp hai bên. Cam kết của EU dành cho Việt Nam cao hơn cam kết của EU trong WTO và tương đương mức cam kết cao nhất của EU trong những Hiệp định FTA gần đây của EU; trong khi cam kết của Việt Nam với EU cao hơn cam kết của Việt Nam trong WTO và ít nhất ngang với mức độ mở cửa cao nhất tại FTA thế hệ mới.

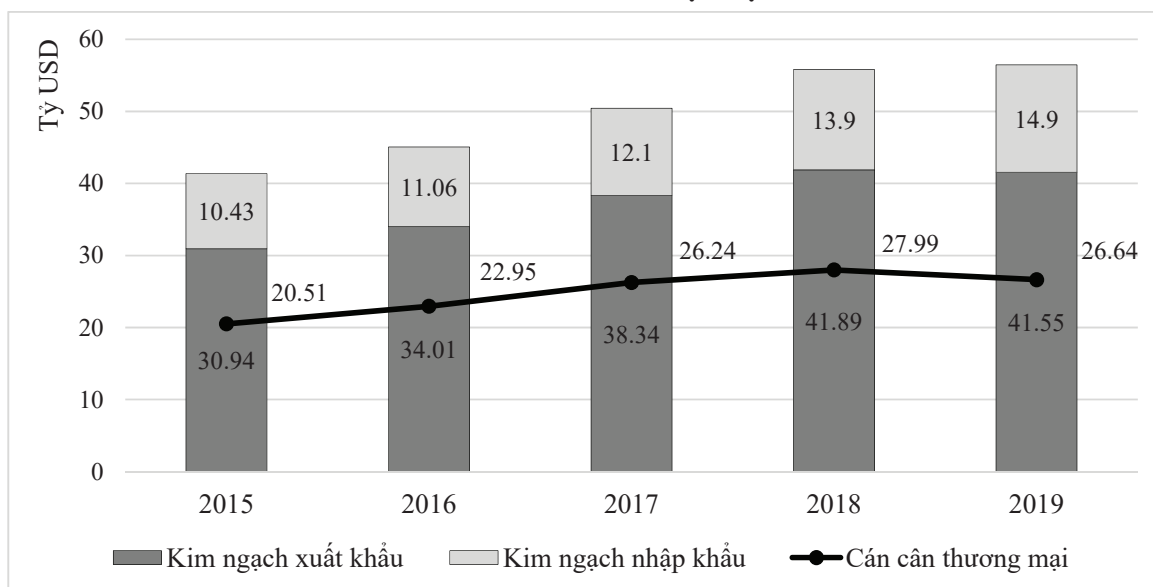
3.2. *Mối quan hệ thương mại giữa Việt Nam - EU*

Để nhìn nhận sâu sắc hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài của EU vào Việt Nam trong bối cảnh thực thi EVFTA thì việc phân tích mối quan hệ thương mại giữa Việt Nam – EU, đặc biệt là kể từ sau khi EVFTA có hiệu lực rất cần thiết.

Sau hơn 25 năm thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức kể từ Hiệp định khung về hợp tác được ký kết năm 1995, EU trở thành đối tác quan trọng hàng đầu của Việt Nam trên nhiều lĩnh vực. Hiện nay, EU là khu vực chiếm tỷ trọng lớn trong quan hệ thương mại giữa Việt Nam và châu Âu, là đối tác thương mại lớn hàng đầu và là thị trường xuất khẩu lớn thứ 2 của Việt Nam (sau Hoa Kỳ). Ngược lại, Việt Nam cũng là đối tác kinh tế quan trọng thứ hai của EU trong khu vực Đông Nam Á, chỉ sau Singapore.

Về kim ngạch xuất nhập khẩu: Quan hệ thương mại Việt Nam - EU đã phát triển nhanh và hiệu quả, từ năm 2000 đến năm 2019, kim ngạch thương mại Việt Nam- EU đã tăng hơn 13,7 lần, từ mức 4,1 tỷ USD năm 2000 lên 56,45 tỷ USD năm 2019, trong đó xuất khẩu của Việt Nam sang EU tăng 14,8 lần (từ 2,8 tỷ USD lên 41,55 tỷ USD) và nhập khẩu vào Việt Nam từ EU tăng hơn 11,4 lần (1,3 tỷ USD lên 14,9 tỷ USD). Theo Hình 1, cán cân thương mại giữa Việt Nam - EU luôn nghiêng về phía Việt Nam với mức thặng dư tương đối cao.

Hình 1: Kim ngạch xuất nhập khẩu và cán cân thương mại Việt Nam – EU trước khi EVFTA được thực thi



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ số liệu của Tổng cục hải quan Việt Nam.

Năm 2020, Hiệp định EVFTA được thực thi. Tuy nhiên, do dịch bệnh Covid-19 cùng những biến động của thị trường đã làm cho hoạt động thương mại giữa Việt Nam và EU bị tác động không nhỏ. Theo báo cáo của Bộ Công thương (2021), kim ngạch xuất nhập khẩu hai chiều giữa Việt Nam và EU-27 đạt 49,8 tỷ USD, giảm 0,1% so với năm 2019, chiếm 9,13% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước nói chung. Trong đó, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang EU đạt 35,1 tỷ USD, giảm 1,8% so với năm 2019. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường khối EU năm 2020 đạt khoảng 14,65 tỷ USD, tăng 4,3% so với năm 2019.

Trong 5 tháng đầu tiên thực hiện EVFTA (từ đầu tháng 8 đến hết tháng 12 năm 2020), kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường EU-27 đạt 15,62 tỷ USD, tăng 3,8% so cùng kỳ năm 2019. Giá trị xuất khẩu bình quân tháng đạt khoảng 3,12 tỷ USD/tháng. Kết quả này tuy còn thấp hơn tăng trưởng xuất khẩu chung của cả nước nhưng là tín hiệu tích cực khi so sánh với xuất khẩu sang EU trong 07 tháng đầu năm (Tính chung 07 tháng này, xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường EU đạt 19,52 tỷ USD, giảm 5,9% so với cùng kỳ và giá trị xuất khẩu bình quân tháng chỉ đạt khoảng 2,79 tỷ USD/tháng) (Vụ thị trường Châu Âu - Châu Mỹ, 2021).

Về các đối tác xuất khẩu của Việt Nam tại EU: Các đối tác xuất khẩu chính của Việt Nam tại thị trường EU trong thời gian qua tập trung vào các thị trường truyền thống như Hà Lan, Đức, Pháp, Italia, Áo, Bỉ, Tây Ban Nha, Ba Lan, và Thụy Điển.

Các thị trường xuất khẩu chính có giá trị xuất khẩu đạt trên 1 tỷ USD trong năm 2020 và tăng trưởng so với năm 2019 là Hà Lan (7,0 tỷ USD, tăng 1,7%), Đức (6,6 tỷ USD, tăng 1,4%), một số thị trường có giá trị giảm so với năm 2019 là Pháp (3,3 tỷ USD, giảm 12,4%), Italia (3,1 tỷ USD, giảm 9,4%), Áo (2,9 tỷ USD, giảm 11,8%), Bỉ (2,3 tỷ USD, giảm 9,3%). Đây đều là các thị trường này chiếm gần 90% thị phần xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang EU (Vụ Thị trường Châu Âu, Châu Mỹ, 2021).

Về các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang EU: Các mặt hàng chính của Việt Nam sang EU là điện thoại các loại và linh kiện; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; hàng dệt may; máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác; hàng thủy sản và cà phê. Những mặt hàng có tăng trưởng xuất khẩu sang EU cao nhất trong 5 tháng đầu thực thi EVFTA bao gồm: chất dẻo nguyên liệu tăng 283,5% so với cùng kỳ; sản phẩm từ cao su tăng 56,9%; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 53,8%; sắt thép tăng 46,7%; hóa chất tăng 40,3%; sản phẩm mây, tre, cói và thảm tăng 33,7%; phương tiện vận tải và phụ tùng tăng 31,5%;...

Năm 2021, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang EU dự báo sẽ tăng trưởng khả quan hơn nhờ Hiệp định EVFTA và kinh tế EU được dự báo sẽ phục hồi trở lại, mặc dù mức phục hồi chậm như: hàng dệt may, giày dép, va li, túi xách, mũ, ô dù; một số mặt hàng nông sản (thủy sản, gạo, cà phê, hạt tiêu, chè...) có thể sẽ tiếp tục tăng nhưng không mạnh do gặp nhiều rào cản phi thuế quan tại thị trường EU, đặc biệt là vấn đề “Thẻ vàng” đối với hàng thủy sản, các yêu cầu về chất lượng sản phẩm nông sản.

Về nhập khẩu từ thị trường EU vào Việt Nam: Theo Báo cáo xuất nhập khẩu Việt Nam năm 2020 của Bộ Công thương, kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ EU 5 tháng đầu tiên sau khi thực thi EVFTA đạt 6,55 tỷ USD, tăng 4,2% so với cùng kỳ. Con số này tăng nhẹ so với mức tăng nhập khẩu 07 tháng đầu năm từ EU (đạt 8,08 tỷ USD, tăng 3%).

Tính chung cả năm 2020, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ EU năm 2020 đạt khoảng 14,65 tỷ USD, tăng 4,3% so với năm 2019. Việt Nam nhập khẩu hàng hóa chủ yếu từ các thị trường truyền thống là Đức, Italia, Pháp, Hà Lan, Tây Ban Nha, Bỉ, Thụy Điển và Ireland. Nhập khẩu từ 8 thị trường lớn nhất này chiếm khoảng 85% thị phần nhập khẩu hàng hóa từ EU.

Các mặt hàng nhập khẩu chính của Việt Nam từ EU là: máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (đạt 4,1 tỷ USD, tăng 63,6%), máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác (3,1 tỷ USD, giảm 15,9%), dược phẩm (1,75 tỷ USD, tăng 15,1%), sản phẩm hóa chất (503 triệu USD, giảm 0,4%), thức ăn gia súc và nguyên liệu (285 triệu USD, tăng 9,6%) và nguyên phụ liệu, dệt, may, da, giày (266 triệu USD, giảm 30,5%) (Vụ thị trường Châu Âu - Châu Mỹ, 2021).

4. Đầu tư trực tiếp từ EU vào Việt Nam

Với các cam kết tự do hóa đầu tư trong EVFTA, các doanh nghiệp EU sẽ được hưởng ưu đãi hơn khi đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam. Đồng thời, những điều chỉnh, sửa đổi quy định pháp luật của Việt Nam để phù hợp với EVFTA trong một số lĩnh vực như sở hữu trí tuệ cũng sẽ góp phần giúp các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp EU nói riêng được hưởng sự bảo hộ cao hơn đối với hoạt động đầu tư sáng tạo. Do vậy, EVFTA được đánh giá sẽ tạo ra những cơ hội lớn để Việt Nam có thể thu hút các nhà đầu tư từ EU, nhất là trong các lĩnh vực như công nghiệp chế biến, chế tạo, sử dụng công nghệ cao, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, dịch vụ...

4.1. Trước khi EVFTA có hiệu lực

Tính lũy kế đến 31/12/2019, EU là đối tác đầu tư lớn thứ tư tại Việt Nam với 2317 dự án còn hiệu lực, tổng

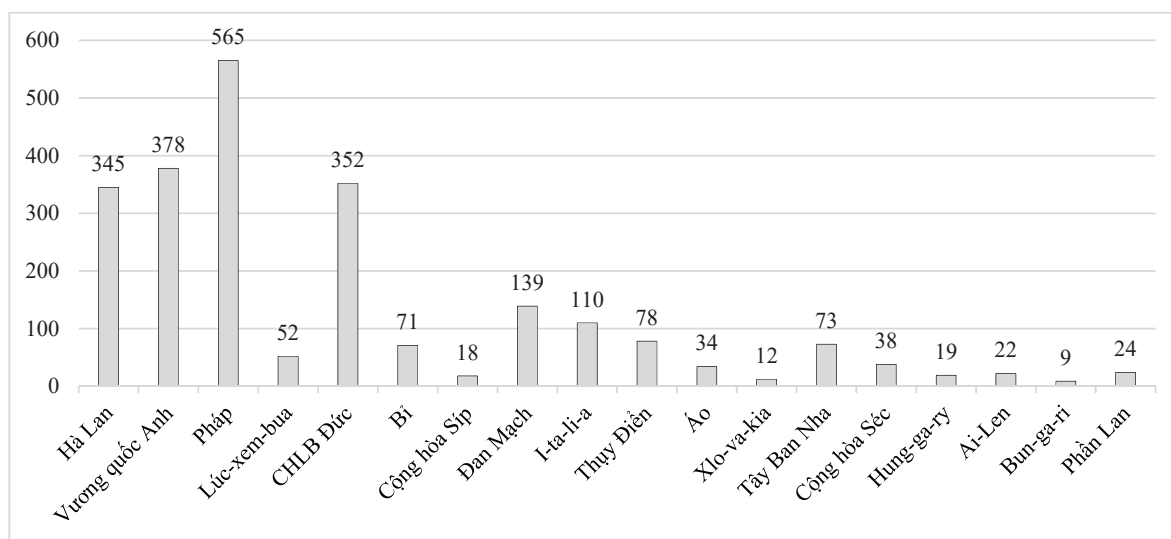
vốn đăng ký là 25,36 tỷ USD, tương đương 7,6% tổng vốn FDI vào Việt Nam. (Tổng cục thống kê, 2019). FDI từ EU đặc biệt tăng nhanh sau khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) năm 2007 và đạt mức kỷ lục 2,6 tỷ USD vốn đăng ký năm 2010 và vốn thực hiện khoảng 1,69 tỷ USD. Tuy nhiên, do tác động của khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu, dòng vốn này chậm lại. Trong vài năm gần đây, FDI từ EU được phục hồi song vẫn chưa đạt được mức kỷ lục của năm 2010.

Mặc dù có sự gia tăng vốn đầu tư, tỷ trọng FDI của EU vào Việt Nam còn khiêm tốn trong tổng FDI của EU ra nước ngoài cũng như FDI của EU vào ASEAN nói chung. Theo số liệu thống kê của Eurostat và ASEANStats, năm 2017, FDI của EU chủ yếu là FDI nội khối (chiếm hơn 61%), FDI vào Mỹ chiếm 29,35%, FDI vào ASEAN đạt 5,7%, tương đương 175,2 tỷ USD trong giai đoạn 2010-2017. Trong tương quan với các nước ASEAN khác, Việt Nam chưa phải là đối tác đầu tư lớn với tỷ trọng chỉ chiếm khoảng 3% tổng đầu tư của EU vào ASEAN, đứng thứ ba sau Xin-ga-po (85%) và Ma-lai-xi-a (10%) (Nguyễn Thị Minh Phương, 2019).

Theo số liệu từ Tổng cục thống kê đến hết 31/12/2019 trong 19/28 nước EU đang có hoạt động đầu tư trực tiếp tại Việt Nam, các nước đầu tư nhiều nhất bao gồm Hà Lan (345 dự án, 10,05 tỷ USD vốn đăng ký), Pháp (565 dự án, 3,6 tỷ USD), Đức (352 dự án, 2 tỷ USD) và Bỉ (71 dự án, 1 tỷ USD) (Hình 2 và 3). Đầu tư từ các đối tác EU khác là không đáng kể. Điều này cho thấy, dư địa để thu hút FDI từ các đối tác truyền thống cũng như các đối tác mới trong EU còn tương đối lớn. Một số tập đoàn lớn của EU đang hoạt động có hiệu quả tại Việt Nam như Shell Group (Hà Lan), Total Elf Fina (Pháp Bỉ), Daimler Chrysler (Đức), Alcatel Comvik (Thụy Điển), Siemen, Daimler-Chrysler, B. Braun, Messer, Schaeffler và Bosch (Đức).

Hình 2: Đầu tư trực tiếp của các thành viên EU vào Việt Nam theo số dự án tính đến 31/12/2019

Đơn vị tính: Dự án



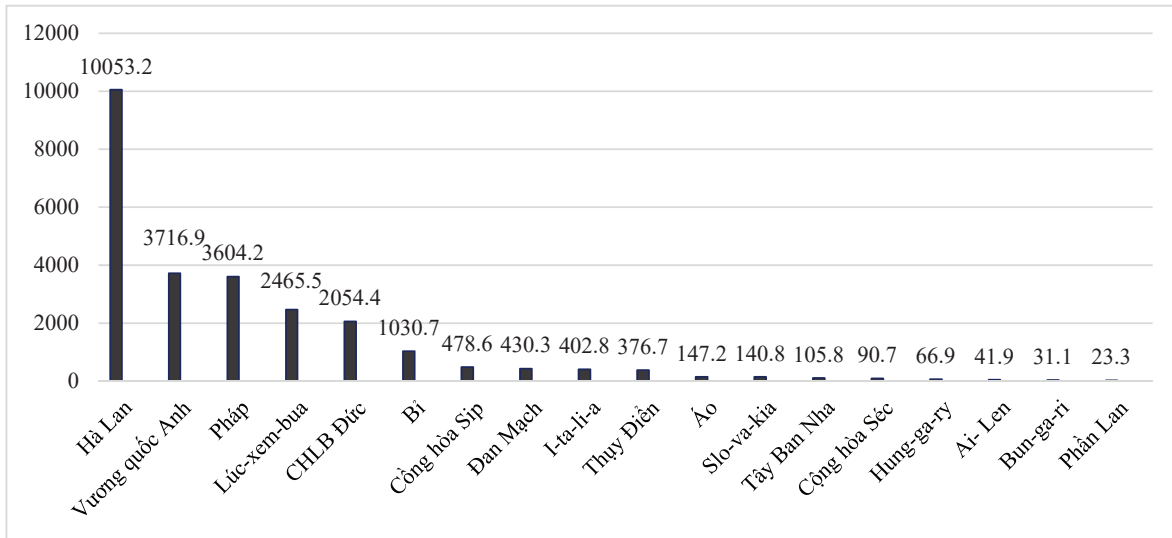
Nguồn: Tổng cục Thống kê (2020).

Giá trị trung bình của các dự án FDI do EU đầu tư tương đối nhỏ (11,02 triệu USD), thấp hơn so với mặt bằng chung (12,4 triệu USD). Đặc biệt, quy mô dự án FDI của các đối tác EU có sự khác biệt lớn. Một số quốc gia có các dự án đầu tư quy mô lớn, như Luc-xăm-bua (trung bình 51,48 triệu USD), Hà Lan (29,02 triệu USD), Síp (26,75 triệu USD), Bỉ (14,8 triệu USD), Xlô-va-ki-a (14,15 triệu USD). Còn lại hầu hết đều có quy mô nhỏ từ 1-5 triệu USD hoặc dưới 1 triệu USD.

Về lĩnh vực đầu tư, EU đã đầu tư vào 18/21 ngành theo hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân, trong đó tập trung ở lĩnh vực công nghiệp chế biến chế tạo (chiếm 36,3% tổng vốn đầu tư, chủ yếu ở các ngành, như lọc hóa dầu 11%, dệt may 6,94%, điện tử 6,4%, chế biến thực phẩm 5,6%, ô-tô và phương tiện vận tải 5,2%); sản xuất, phân phối điện, khí (20,7%), bất động sản (11%). Thông tin và truyền thông (6,6%) (Nguyễn Thị Minh Phương, 2019). Do đó, FDI từ EU đóng góp vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích

Hình 3: Đầu tư trực tiếp của các thành viên EU vào Việt Nam theo số vốn đăng ký tính đến 31/12/2019

Đơn vị tính: Triệu USD



Nguồn: Tổng cục Thống kê (2020).

cực tại Việt Nam. Các lĩnh vực đầu tư từ EU cũng được trải đều hơn so với FDI từ các nước Nhật Bản và Hàn Quốc.

Về địa bàn đầu tư, các nhà đầu tư EU đã có mặt tại 54 tỉnh, thành trên cả nước, tuy nhiên tập trung chủ yếu ở các thành phố lớn với kết cấu hạ tầng phát triển, có cảng biển, sân bay, như Thành phố Hồ Chí Minh (15,1%), Bà Rịa - Vũng Tàu (15%), Hà Nội (14,8%), Quảng Ninh (9%), Đồng Nai (8,3%), Bình Dương (6,9%). Vì vậy, FDI từ EU chưa giúp cải thiện được khoảng cách phát triển giữa các vùng và khu vực trong cả nước.

Đối với hình thức đầu tư, phần lớn các dự án đầu tư của EU tại Việt Nam là 100% vốn nước ngoài. Hình thức liên doanh, BOT, BT, BTO chiếm tỷ lệ nhỏ. Điều này dẫn tới tính liên kết giữa khu vực FDI và khu vực trong nước, cũng như tác động lan tỏa từ các doanh nghiệp FDI còn nhiều hạn chế.

Nói chung, FDI từ EU vào Việt Nam có sự tăng trưởng trong những năm qua, đóng góp vào sự phát triển kinh tế của Việt Nam thông qua cung cấp nguồn vốn cho đầu tư phát triển; thúc đẩy xuất khẩu, cải thiện cán cân thương mại; giúp chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực; thúc đẩy doanh nghiệp trong nước nâng cao năng lực quản trị và khả năng cạnh tranh trên thị trường. Đặc biệt, các nhà đầu tư châu Âu có ưu thế về công nghệ, góp phần tích cực tạo ra một số ngành, nghề mới và sản phẩm mới có hàm lượng công nghệ cao. Xu thế đầu tư trực tiếp của EU hướng vào các ngành công nghiệp công nghệ cao và các ngành dịch vụ (bưu chính viễn thông, tài chính, văn phòng cho thuê, bán lẻ,...). Sự hiện diện của các doanh nghiệp FDI từ EU đã mang đến một số công nghệ hiện đại trong các lĩnh vực, như dầu khí, công nghiệp nặng, dịch vụ bưu chính,... tại Việt Nam.

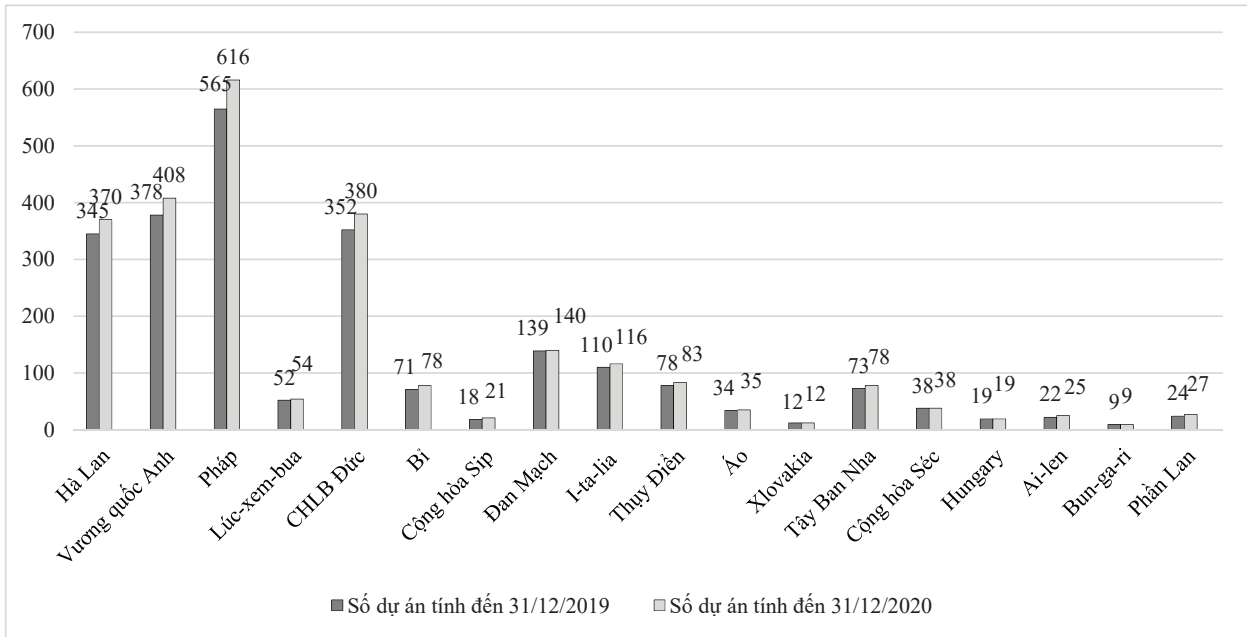
4.2. Sau khi EVFTA có hiệu lực

Về lượng vốn và dự án đầu tư: Trong 9 tháng đầu năm 2020, tổng vốn đầu tư của EU vào Việt Nam đạt 752 triệu USD, tăng hơn 100 triệu USD và 180 dự án so với trước khi EVFTA có hiệu lực (Nguyễn Chiến Thắng & Đinh Mạnh Tuấn, 2021). Tính lũy kế đến 31/12/2020, tổng vốn FDI đăng ký của EU vào Việt Nam đạt 25576,1 triệu USD với 2509 dự án, so với số lũy kế đến 31/12/2019, đã tăng 216,1 triệu USD và 192 dự án (Tổng cục Thống kê, 2020) (Hình 4).

Tuy nhiên số lượng dự án đầu tư từ EU trong năm 2020 cũng đầu năm 2021 là kết quả của những ý tưởng từ những năm trước, để có giấy phép đầu tư năm 2021, các doanh nghiệp phải chuẩn bị từ năm 2019, 2020 hoặc thậm chí khá lâu từ trước đó. Nhìn tổng thể, kết quả thu hút FDI của Việt Nam hiện nay vẫn chủ yếu từ những nhà đầu tư châu Á như Nhật Bản, Đài Loan, Trung Quốc, Singapore, Thái Lan. Sau gần một năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực, vẫn chưa có dấu hiệu làn sóng FDI mạnh mẽ từ EU vào Việt Nam.

Hình 4: FDI của EU vào Việt Nam theo số dự án tính đến 31/12/2019 và 31/12/2020

Đơn vị tính: Dự án



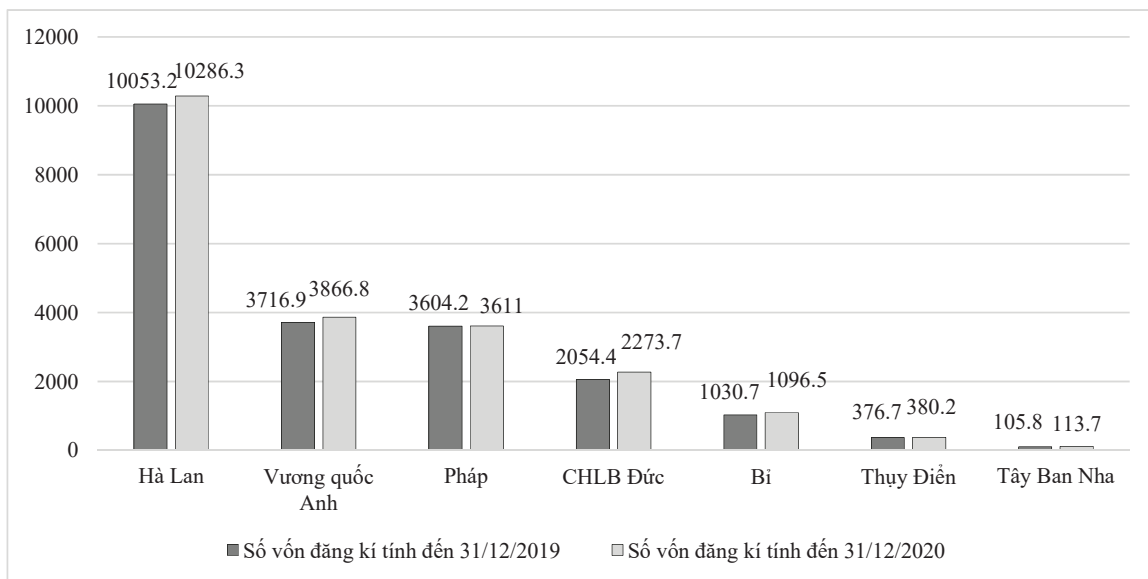
Nguồn: Tổng cục Thống kê (2021)

Ghi chú: Số dự án đăng ký lũy kế tính đến hết năm 2019 (trước khi EVFTA có hiệu lực) và hết năm 2020 (sau khi EVFTA có hiệu lực)

Về đối tác đầu tư: Các thành viên của EU tham gia đầu tư tại Việt Nam không có nhiều thay đổi so với trước khi EVFTA có hiệu lực, hiện Hà Lan, Pháp, Đức vẫn là thành viên chính của EU có mức đầu tư đáng kể và có quan hệ thương mại bền chặt với Việt Nam, các thành viên còn lại của EU chiếm số vốn và dự án không đáng kể.

Hình 5: Vốn FDI đăng ký của một số nhà đầu tư lớn của EU vào Việt Nam trước và sau khi EVFTA có hiệu lực*

Đơn vị tính: triệu USD



Nguồn: Tổng cục Thống kê (2019 và 2020)

Ghi chú: Số vốn đăng ký lũy kế tính đến hết năm 2019 (trước khi EVFTA có hiệu lực) và hết năm 2020 (sau khi EVFTA có hiệu lực)

Theo Hình 5, một số quốc gia chính đầu tư vào Việt Nam đã có sự thay đổi khi so sánh năm 2019 và 2020, trong đó Hà Lan vẫn giữ vị trí đứng đầu sau khi EVFTA có hiệu lực, tổng vốn lũy kế vào Việt Nam tăng 233.1 triệu USD và 25 dự án, thứ hai là Đức tăng 219,3 triệu USD và 28 dự án, thứ ba là Bỉ tăng 65,8 triệu USD và 7 dự án, thứ tư là Pháp tăng 6,8 triệu USD và 51 dự án. Các nước còn lại lượng vốn không thay đổi, hoặc tăng thấp chỉ khoảng 0,1 đến 0,5 triệu USD, ngoài ra một số nước lượng vốn FDI giảm như Luxembua (giảm 362,4 triệu USD) và Italia (giảm 10,4 triệu USD). Có thể nói tác động thực sự của EVFTA với thu hút đầu tư từ EU trong hơn 1 năm vừa qua chưa rõ nét, đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 ảnh hưởng mạnh mẽ tới thương mại và đầu tư toàn cầu.

Về lĩnh vực đầu tư, hiện nay FDI của EU vẫn hướng tới mục tiêu khai thác tài nguyên, tận dụng nguồn lao động giá rẻ để thực hiện các công đoạn lắp ráp, chế biến sản phẩm bán trong nước và xuất khẩu. Trong khi đó, số lượng dự án trong các lĩnh vực mà Việt Nam quan tâm thu hút như các dự án công nghệ cao, công nghệ nguồn, công nghệ xanh, năng lượng tái tạo, nông nghiệp công nghệ cao, tài chính ngân hàng,... vẫn ít. Với mục tiêu khai thác tài nguyên, nhiên vật liệu và lao động giá rẻ, cộng thêm việc nhiều sản phẩm xuất khẩu từ EU sang Việt Nam được giảm thuế, doanh nghiệp EU sang đầu tư ở Việt Nam sẽ được hưởng lợi không chỉ từ thuế của nước mới mở cửa cho Việt Nam giảm xuống mà chúng ta cũng dành rất nhiều ưu đãi cho FDI.

Do vậy, EVFTA sẽ là chất kích thích để các nhà đầu tư EU rót vốn vào Việt Nam trong thời gian tới. FDI của EU vào Việt Nam được dự báo có thể gia tăng trong các ngành dịch vụ được cam kết mở cửa sâu hơn so với cam kết trong Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), đồng thời là thế mạnh của các nước EU như dịch vụ tài chính, logistics, dịch vụ máy tính, dịch vụ môi trường, giáo dục bậc cao, phân phối, viễn thông và y tế. Đồng thời, FDI từ EU cũng có thể tăng vào các phân ngành dịch vụ mà Việt Nam không cam kết trong WTO, nhưng lại cam kết trong EVFTA như dịch vụ hội chợ, triển lãm, dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyên phát, dịch vụ bảo hành và sửa chữa tàu biển, tàu thủy nội địa, máy bay, dịch vụ xếp dỡ công-ten-nơ hàng hải, dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa... Trong thời gian tới, các nhà đầu tư Hà Lan và Bỉ có ý định đầu tư xây dựng dự án Trung tâm Logistic Cái Mép Hạ tại tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu trị giá 984 triệu USD với mục tiêu hướng tới phát triển Cái Mép Hạ trở thành trung tâm hàng đầu về dịch vụ vận tải, container và xuất khẩu nông sản từ Đồng bằng sông Cửu Long sang Liên minh châu Âu đồng thời đây là dự án sẽ áp dụng các biện pháp “vận tải xanh” để phát triển bền vững.

Ngay sau khi EVFTA có hiệu lực, Phòng Thương mại châu Âu tại Việt Nam (EuroCham) đã đưa ra những câu hỏi khảo sát về mức độ tác động của Hiệp định đối với kế hoạch kinh doanh và đầu tư của các doanh nghiệp của các quốc gia thành viên. Theo đó, 1/3 số lượng người trả lời cho rằng, Hiệp định này là một phần quan trọng trong quyết định đầu tư vào Việt Nam của họ với hai yếu tố hàng đầu được dự đoán sẽ thúc đẩy tăng trưởng là cắt giảm thuế quan (33%) và tiếp cận thị trường dễ dàng hơn cho các nhà đầu tư (13%). Cũng theo đại diện của EuroCham, khi EVIPA có hiệu lực sẽ cùng với EVFTA mang lại cho các nhà đầu tư EU sự tin tưởng tốt hơn khi lựa chọn kinh doanh tại Việt Nam, đồng thời giúp thu hút thêm vốn đầu tư lớn hơn từ các quốc gia EU trong tương lai (Nguyễn Chiến Thắng & Đinh Mạnh Tuấn, 2021).

5. Một số khuyến nghị nhằm thu hút FDI từ EU vào Việt Nam

Hiện nay, những tác động thực sự của EVFTA đối với kinh tế Việt Nam và dòng vốn đầu tư từ EU vào Việt Nam chưa được như kỳ vọng và dự đoán trước đó, đồng thời mức độ tác động của EVFTA chưa rõ nét, một phần là do những tác động của dịch bệnh COVID-19.

Đối với Việt Nam, EVFTA được kỳ vọng có thể giúp GDP tăng bình quân đến 3,2% trong giai đoạn 5 năm đầu thực hiện, bình quân tăng 5,3% cho 5 năm tiếp theo và lên đến 7,72% cho 5 năm sau đó. Với cam kết mở cửa thị trường mạnh mẽ, cam kết xóa bỏ thuế nhập khẩu lên tới gần 100% biểu thuế của EU, EVFTA dự kiến sẽ mở ra cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam tăng kim ngạch xuất khẩu sang EU khoảng 42% vào năm 2025 và gần 45% vào năm 2030 so với trước khi có Hiệp định, góp phần làm tăng khả năng thu hút vốn FDI vào Việt Nam.

Về mặt lý thuyết, các cam kết xóa bỏ thuế quan sẽ giúp gia tăng FDI từ các nước không tham gia FTA và tận dụng những ưu đãi mà các nước thành viên FTA dành cho nhau. Trong khi đó, đối với FDI nội khối, FTA có thể làm tăng FDI theo chiều dọc và giảm FDI theo chiều ngang. Áp dụng vào trường hợp EVFTA, Hiệp định kỳ vọng sẽ giúp gia tăng FDI từ các nước ngoài khối EU, tăng FDI theo chiều dọc và giảm FDI theo

chiều ngang từ các nước EU vào Việt Nam. Trong thời gian tới, có thể nhận thấy một số thuận lợi mà các nhà đầu tư EU sẽ được hưởng khi EVFTA có hiệu lực đó là: (i) EVFTA cung cấp khả năng tiếp cận tốt hơn đối với các hoạt động mua sắm công ở Việt Nam. Các công ty EU có thể tham gia vào các dự án công và dự án PPP dễ dàng hơn khi hiệp định có hiệu lực, để lại dấu ấn của họ tại Việt Nam. Đó là một trong những kết quả của báo cáo về nền tảng nghiên cứu và tư vấn của Đức; (ii) Bên cạnh EVFTA, việc phê chuẩn EVIPA (Hiệp định Bảo hộ đầu tư Việt Nam – EU) cũng sẽ tạo thuận lợi về môi trường đầu tư cho các doanh nghiệp hai bên (bao gồm cả việc tăng cường khuôn khổ pháp lý, đặc biệt là sở hữu trí tuệ), tạo thuận lợi hơn cho các công ty EU đầu tư vào lĩnh vực bị hạn chế trước đây. Ví dụ, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa trong các ngân hàng thương mại đã tăng từ 30% lên 49%; (iii) Các công ty EU cũng có thể hưởng lợi từ các điều khoản phi kinh tế của EVFTA như đảm bảo các tiêu chuẩn về nhân quyền và môi trường. EVFTA góp phần thúc đẩy các giá trị dân chủ ở Việt Nam và do đó khiến Việt Nam trở nên hấp dẫn hơn đối với các nhà đầu tư EU.

Trong thời gian tới, để đạt được những kỳ vọng trên, Việt Nam cần lưu ý một số vấn đề trong việc thu hút FDI từ EU. Đó là:

Thứ nhất, Việt Nam cần nhanh chóng tranh thủ khoảng thời gian “vàng” đến từ việc sớm ký kết FTA với EU, khi các nước đối thủ chưa có FTA với EU. Bởi lợi thế này có thể chỉ tồn tại trong ngắn hạn vì định hướng của cả ASEAN và EU là một FTA giữa hai khu vực, EU sẽ tiếp tục đàm phán các FTA với các nước trong ASEAN trong thời gian tới, lúc đó lợi thế về thuế nhập khẩu thấp hơn, cơ chế tạo thuận lợi thương mại và đầu tư dành riêng cho Việt Nam sẽ không còn.

Thứ hai, đối với các nhà đầu tư EU yếu tố về công khai, minh bạch, ổn định, dễ dự báo về thể chế, chính sách và luật pháp, quyền sở hữu trí tuệ, bản quyền, thương quyền, sáng chế, phát minh, chống hàng lậu, hàng nhái, hàng giả...rất quan trọng. Đặc biệt những lĩnh vực liên quan đến công nghệ và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Do đó, Việt Nam cần rà soát Luật Sở hữu trí tuệ nhằm điều chỉnh phù hợp với các cam kết sâu hơn trong EVFTA và các FTA thế hệ mới khác, cũng như bảo đảm thực thi đầy đủ và nghiêm túc các cam kết nhằm tạo niềm tin đối với nhà đầu tư.

Thứ ba, cần phải xác định EVFTA là yếu tố mang tính chất hỗ trợ, không phải yếu tố mang tính quyết định trong thu hút FDI từ EU đặc biệt FDI chất lượng cao. Vì vậy, trong thời gian tới, Việt Nam cần phải tập trung vào ba vấn đề trọng tâm là hạ tầng, nguồn nhân lực và công nghiệp hỗ trợ. Trong đó, chú trọng xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ, giảm thiểu chi phí logistics bất hợp lý do chi phí logistics của Việt Nam vẫn ở mức cao trong khu vực Đông Nam Á, các khâu vận chuyển, đóng gói, làm thủ tục... tại Việt Nam vừa đắt đỏ hơn, vừa chậm trễ hơn so với vận chuyển từ nước ngoài về Việt Nam. Ngoài ra cần chú trọng đến việc sẵn sàng nguồn nhân lực chất lượng cao - đây là điểm yếu của Việt Nam so với các quốc gia cạnh tranh. Với yêu cầu của các tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới thì chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam vẫn chưa đáp ứng được. Việt Nam vẫn thiếu đội ngũ kỹ sư giỏi, cán bộ giỏi và chuyên gia giỏi. Về phía công nghiệp hỗ trợ, để «hoà nhập» vào chuỗi cung ứng của doanh nghiệp FDI, Việt Nam phải có nhiều doanh nghiệp đủ chất lượng để có thể tham gia vào các công đoạn sản xuất của nhà đầu tư nước ngoài. Không đáp ứng được yêu cầu nên nhà đầu tư nước ngoài đã kéo doanh nghiệp từ bản địa hoặc từ quốc gia thứ ba sang Việt Nam hoặc thậm chí từ quốc gia khác nhảy vào chuỗi cung ứng của doanh nghiệp FDI đầu tư tại Việt Nam. Những điều này phải nhanh chóng được khắc phục nếu muốn đẩy mạnh thu hút FDI chất lượng cao nói chung và FDI từ nhà đầu tư EU nói riêng trong thời gian tới.

Thứ tư, EVFTA bao gồm những quy định, quy tắc chặt chẽ về thủ tục đầu tư, hải quan, thuận lợi hóa thương mại, tiêu chuẩn kỹ thuật, các biện pháp kiểm dịch động, thực vật, mua sắm của chính phủ, phát triển bền vững... Việc thực hiện EVFTA đòi hỏi Việt Nam phải tiếp tục rà soát hệ thống pháp luật trong nước hiện hành và tiến hành xây dựng, sửa đổi các văn bản pháp luật liên quan để tạo điều kiện thực thi đầy đủ, hiệu quả các cam kết trong Hiệp định. EVFTA cũng là cơ hội để Việt Nam tiếp tục cải cách thể chế - pháp luật theo hướng tiệm cận với chuẩn mực quốc tế, hoàn thiện môi trường kinh doanh theo hướng thông thoáng, minh bạch và dễ dự đoán hơn, nhờ đó góp phần hiện thực hóa các lợi ích được kỳ vọng từ Hiệp định.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Công thương Việt Nam (2019), *Báo cáo Xuất nhập khẩu Việt Nam 2018*, Nhà xuất bản Công Thương, Hà Nội.
- Bộ Công thương Việt Nam (2020), *Báo cáo Xuất nhập khẩu Việt Nam 2019*, Nhà xuất bản Công Thương, Hà Nội.
- Bộ công thương Việt Nam (2021), *Báo cáo Xuất nhập khẩu Việt Nam 2020*, Nhà xuất bản Công Thương, Hà Nội.
- Nguyễn Chiến Thắng & Đinh Mạnh Tuấn (2021), ‘Thực thi Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-Liên minh châu Âu: Những tín hiệu ban đầu’, *Tạp chí Công sản*, truy cập ngày 22 tháng 05 năm 2021, từ: <<https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/822110/thuc-thi-hiep-dinh-thuong-mai-tu-do-viet-nam---lien-minh-chau-au--nhung-tin-hieu-ban-dau.aspx>>.
- Nguyễn Thị Minh Phương (2019), ‘Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài từ Liên minh châu Âu vào Việt Nam: Thực trạng và triển vọng’, *Tạp chí Công sản*, truy cập ngày 22 tháng 05 năm 2021, từ: <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/tin-binh-luan/-/asset_publisher/DLIYi5AJyFzY/content/thu-hut-au-tu-truc-tiep-nuoc-ngoai-tu-lien-minh-chau-au-va-vo-viet-nam-thuc-trang-va-trien-vong>.
- Salvatore, Dominick (2011), *International Economics - Trade and Finance*, John Wiley & Sons Inc
- Tổng cục Thống kê (2020), *Niên giám thống kê 2019*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- Tổng cục Thống kê (2021), *Niên giám thống kê 2020*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- Vụ thị trường Châu Âu - Châu Mỹ (2021), ‘Hiệp định EVFTA đã có tác động tích cực đến hoạt động thương mại hàng hóa giữa Việt Nam và EU’, *Chuyên san Thương mại Việt Nam – EU*, Quý IV năm 2020, 7-11.